

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/KDTM-ST**

Ngày: 26/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Anh**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Trụ sở: Số ..., phố C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **L.H.Đ** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Q**. Trụ sở: Tầng, nhà ... K, phố P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **L.Q.N** - Tổng Giám đốc, theo Hợp đồng ủy quyền số 02/UQ. MB-MBAMC ngày 31/01/2019. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đ.T.L** - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ, theo Văn bản ủy quyền số 1239/UQ-MBAMC ngày 12/3/2020. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **V.N**, bà **Đ.T.H** - Chuyên viên xử lý nợ, theo Văn bản ủy quyền số 5335/UQ-MBAMC ngày 18/10/2019. Địa chỉ: Tầng, nhà ... K, phố P, quận Đ, thành phố Hà Nội. - Có mặt bà H.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần T.X

Trụ sở: Số ..., đường B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **N.T.M.H** - Giám đốc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số ..., ngõ H, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. - *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các Đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, 24/12/2019, Bản tự khai ngày 02/3/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** trình bày:

Ngày 29/4/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh H và Công ty cổ phần T.X ký Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01, tổng số tiền giải ngân 32.220.000.000 đồng, phương thức giải ngân chuyển khoản 100%, trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn khách hàng được áp dụng lãi xuất ưu đãi cố định 7,7%/ năm. Sau thời gian được quy định trên, lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng VNĐ loại lãi trả sau tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ 2%/năm, Nếu trong thời gian duy trì khoản vay mà khách hàng phát sinh nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên, thì Ngân hàng có quyền quyết định dừng áp dụng lãi suất ưu đãi trên. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mục đích vay: Tài trợ mua 30 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu County HM K29SL sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 260216/HĐKT/2016/MB-TX ngày 26/02/2016 ký giữa khách hàng và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu M, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân tổng số tiền 32.200.000.000 đồng cho Công ty cổ phần T.X theo khế ước LD1612626506 ngày 05/5/2016 số tiền 23.680.000.000 đồng và khế ước LD1619692047 ngày 14/7/2016 số tiền 8.520.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty cổ phần T.X thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 20 xe ô tô khách County HM K29SL sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng kinh tế số 260216/HĐKT/2016/MB-TX ngày 26/02/2016 ký giữa Công ty cổ phần T.X và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu M và 10 xe ô tô khách THACO HB73S sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 0558/2016/HĐMB-TM/CNGP ký ngày 26/5/2016 giữa Công ty cổ phần T.X và Công ty cổ phần Ô tô T - Chi nhánh G.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T.X đã không trả nợ như cam kết dẫn đến khoản nợ bị quá hạn từ ngày 20/02/2017. Sau đó, Ngân hàng đã bán đấu giá thành công 20 xe ô tô được 17.431.155.500 đồng để trừ vào khoản vay theo Khế ước LD 1612626506, tổng số tiền đã trả 22.713.915.722 đồng, gồm nợ gốc 21.295.155.500 đồng, tiền lãi trong hạn 1.404.275.955 đồng, tiền lãi quá hạn 14.484.267 đồng và bán đấu giá thành công 10 xe ô tô được 7.097.260.000 đồng để trừ vào khoản vay theo Khế ước LD 1619692047, tổng số tiền đã trả 8.596.764.690 đồng, gồm nợ gốc 8.227.372.672 đồng, lãi trong hạn 368.298.618 đồng, lãi quá hạn 1.093.400 đồng.

Tính đến ngày 07/10/2019, Công ty cổ phần T.X còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 6.326.326.562 đồng, gồm: Khế ước LD 1612626506: Nợ gốc 2.384.844.500 đồng, nợ lãi trong hạn 2.464.532.825 đồng, nợ lãi quá hạn 266.198.042 đồng, tổng 5.115.575.367 đồng và Khế ước LD 1619692047: Nợ gốc 292.627.328 đồng, nợ lãi trong hạn 792.641.829 đồng, nợ lãi quá hạn 125.482.038 đồng, tổng 1.210.751.195 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu Công ty trả nợ, nhưng bên vay thường xuyên trì hoãn, kéo dài thời gian trả nợ. Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần T.X thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD ngày 29/4/2016 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 29/4/2016 và các khế ước nhận nợ đã ký với số tiền tạm tính đến hết ngày 07/10/2019 là 6.326.326.562 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.677.471.828 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.257.174.654 đồng, tiền lãi quá hạn là 391.680.080 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần T.X phải thanh toán tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD ngày 29/4/2016 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 29/4/2016 kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần T.X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đối với bị đơn là **Công ty**

cổ phần T.X và bà N.T.M.H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn để bị đơn biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bị đơn đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tiếp theo, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần T.X thanh toán các khoản tiền theo Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD ngày 29/4/2016, Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 29/4/2016, số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 14/7/2016 và các khế ước nhận nợ tính đến ngày 26/6/2020 là 6.578.396.991 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.677.471.828 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.435.159.559 đồng, tiền lãi quá hạn là 465.765.605 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ. Công ty T.X vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, buộc Công ty cổ phần T.X thanh toán nợ gốc, tiền lãi đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty cổ phần T.X có trụ sở tại số ..., đường B, phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Công ty cổ phần T.X là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp: Ngày 29/4/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh H và Công ty cổ phần T.X ký Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 với các nội dung chủ yếu sau: Phương thức cho vay: Theo món trung, dài hạn. Số tiền vay: 35.520.000.000 đồng. Mục đích vay: Tài trợ mua 30 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu County HM K29SL sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 260216/HĐKT/2016/MB-TX ngày 26/02/2016 ký giữa Công ty cổ phần T.X và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu M. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: Thả nổi. Trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân áp dụng lãi suất ưu đãi cố định 7,7%/năm. Sau đó, lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng VND loại lãi trả sau tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ 2%/năm. Nếu trong thời gian duy trì khoản vay mà khách hàng phát sinh nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên, thì Ngân hàng có quyền quyết định dừng áp dụng lãi suất ưu đãi. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Kỳ tính lãi của mỗi khoản vay được tính toán theo các kỳ tính lãi nối tiếp nhau. Kỳ tính lãi đầu tiên của một khoản vay được quy định trên từng văn bản nhận nợ. Mỗi kỳ tính lãi sau kỳ tính lãi đầu tiên của khoản vay bắt đầu vào ngày 20 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ tính lãi liền trước của khoản vay đó và kết thúc vào ngày 19 của một tháng dương lịch liền sau đó. Kỳ tính lãi cuối cùng của một khoản vay kết thúc vào ngày trả nợ

gốc cuối cùng của khoản vay. Trong mỗi kỳ tính lãi, tiền lãi phát sinh hàng ngày và được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày và trên số ngày thực tế đã trôi qua theo công thức: Tiền lãi = (Dư nợ gốc của khoản vay x Số ngày thực tế trôi qua x Lãi suất cho vay trong hạn)/360. Khách hàng phải chịu tiền phạt do chậm trả lãi đối với các khoản tiền đến hạn thanh toán với mức phạt là 2,55% trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày; 4,25% trên số tiền lãi chậm trả từ 10 ngày đến 30 ngày; 6% trên số tiền lãi chậm trả trên 30 ngày, tối thiểu 50.000 đồng. Phương thức giải ngân: Bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên bán xe được quy định chi tiết tại văn bản nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: 30 xe ô tô khách nêu trên có tổng giá trị 44 tỷ đồng. Cùng ngày 29/4/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh H và Công ty cổ phần T.X ký Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 16119.16.071.2656415.BĐ đối với 20 xe ô tô khách và đăng ký thế chấp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản Hà Nội.

Ngày 14/7/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh H và Công ty cổ phần T.X ký Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415. TD.PL01 sửa đổi số tiền vay là 32.520.000.000 đồng và mục đích vay để tài trợ trung hạn mua 30 xe ô tô khách, gồm 20 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu County HM K29SL và 10 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu THACO HB73S. Cùng ngày 14/7/2016, hai bên ký Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 30676.16.071.2656415.BĐ đối với 10 xe ô tô khách và đăng ký thế chấp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản Hà Nội.

Xét hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nêu trên có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, các Điều 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh H đã cho Công ty cổ phần T.X vay tiền theo 02 khế ước nhận nợ như sau:

Ngày 05/5/2016, Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 23.680.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD1612626506, để tài trung hạn mua 20 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu County HM K29SL sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 260216/HĐKT/2016/MB-TX ngày 26/02/2016. Thời hạn cho vay kể từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/5/2021. Lãi suất cho vay trong thời gian từ ngày 05/5/2016 đến ngày 04/5/2017 là 7,7%/năm. Sau đó, lãi suất cho

vay được điều chỉnh lần đầu tiên là ngày 05/5/2017, các ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo vào các ngày 05/8, 05/11, 05/2, 05/5 hàng năm, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng loại trả sau tại ngày điều chỉnh cộng với biên độ 2%/năm. Nợ gốc được thanh toán làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng và trả vào ngày 20 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 20/8/2016, số tiền trả mỗi kỳ là 1.184.000.000 đồng. Điều kiện duy trì lãi suất ưu đãi là không phát sinh nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên, nếu vi phạm thì toàn bộ dư nợ được áp dụng lãi suất cho vay thông thường. Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T.X thanh toán đúng hạn 02 kỳ nợ gốc. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 02/3/2017 Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay thông thường là 11,4%/năm. Tính đến ngày 05/5/2017, Công ty đã thanh toán được 3.552.000.000 đồng nợ gốc.

Ngày 14/7/2016, Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 8.520.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD1619692047, để tài trung hạn mua 10 xe ô tô khách 29 chỗ nhãn hiệu THACO HB73S sản xuất năm 2016, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 0558/2016/HĐMB-TM/CNGP ngày 26/5/2016 giữa Công ty cổ phần T.X và Công ty cổ phần Ô tô T. Thời hạn cho vay kể từ ngày 14/7/2016 đến ngày 05/5/2021. Lãi suất cho vay trong thời gian từ ngày 14/7/2016 đến ngày 13/7/2017 là 7,7%/năm. Sau đó, lãi suất cho vay được điều chỉnh lần đầu tiên là ngày 14/7/2017, các ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo vào các ngày 14/10, 14/01, 14/4, 14/7 hàng năm, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng loại trả sau tại ngày điều chỉnh cộng với biên độ 2%/năm. Nợ gốc được thanh toán làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng và trả vào ngày 20 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 20/8/2016, số tiền trả mỗi kỳ là 426.000.000 đồng. Điều kiện duy trì lãi suất ưu đãi là không phát sinh nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên, nếu vi phạm thì toàn bộ dư nợ được áp dụng lãi suất cho vay thông thường. Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T.X thanh toán đúng hạn 02 kỳ nợ gốc. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 02/3/2017 Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay thông thường là 11,4%/năm. Tính đến ngày 05/5/2017, Công ty đã thanh toán được 1.130.112.672 đồng nợ gốc.

Ngày 08/8/2017, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Q có Thông báo số 1177/TB-MBAMC-TTXLN yêu cầu Công ty cổ phần T.X bàn giao 30 xe ô tô khách để xử lý thu nợ. Ngày 10/11/2017, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản và Công ty cổ phần Bán đấu giá S ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 0811/ 2017/ĐG-SaoViet để thỏa thuận bán đấu giá 30 xe ô tô khách. Sau đó, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản đã gửi nhiều văn bản thông báo cho Công ty cổ phần T.X

biết về phương án xử lý tài sản thế chấp, nhưng Công ty không có ý kiến phản hồi. Ngày 25/01/2018, Công ty cổ phần Bán đấu giá S đã bán đấu giá thành công 30 xe ô tô khách, gồm: Bán 20 xe ô tô khách nhãn hiệu COUNTY-HM cho 07 cá nhân thu được 17.743.155.500 đồng, trừ vào 3.552.000.000 đồng nợ gốc của các kỳ quá hạn và 14.191.150.000 đồng nợ gốc của các kỳ chưa quá hạn theo khế ước nhận nợ số LD1612626506. Bán 10 xe ô tô khách nhãn hiệu THACO cho Công ty TNHH Ôtô Đ thu được 7.097.260.000 đồng, trừ vào 1.425.887.328 đồng nợ gốc của các kỳ quá hạn và 5.671.372.672 đồng nợ gốc của các kỳ chưa quá hạn theo khế ước nhận nợ số LD1619692047. Như vậy, tính đến thời điểm xử lý được tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là ngày 29/01/2018 và ngày 02/02/2018, Công ty cổ phần T.X đã trả được số nợ gốc của 02 khế ước gồm: 3.552.000.000 đồng + 17.743.155.500 đồng + 1.130.112.672 đồng + 7.097.260.000 đồng = 29.522.528.172 đồng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Công ty cổ phần T.X trả số nợ gốc gồm: 2.384.844.500 đồng + 292.627.328 đồng = 2.677.471.828 đồng. Tòa án đã kiểm tra các chứng từ cho vay, thu nợ, xử lý tài sản bảo đảm, xác định đúng với số nợ gốc theo yêu cầu của Ngân hàng. Công ty cổ phần T.X không đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, buộc Công ty cổ phần T.X phải trả số nợ gốc tính đến ngày 26/6/2020 là 2.677.471.828 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ vào Phiếu tính lãi tiền vay, Sổ hạch toán chi tiết tài khoản từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/6/2020, Công ty cổ phần T.X đã trả được số tiền lãi như sau: Khế ước nhận nợ số LD1612626506 trả được tiền lãi trong hạn là 1.404.275.955 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.484.267 đồng. Khế ước nhận nợ số LD1619692047 trả được tiền lãi trong hạn là 368.298.618 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.093.400 đồng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Công ty cổ phần T.X trả số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2020 gồm: Tiền lãi trong hạn là 2.617.740.357 đồng + 817.419.201 đồng = 3.435.159.559 đồng, tiền lãi quá hạn là 340.283.567 đồng + 125.482.038 đồng = 465.765.605 đồng. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng, các phụ lục hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, thông báo lãi suất tiết kiệm dân cư. Công ty cổ phần T.X không đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, buộc Công ty cổ phần T.X phải trả số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2020 gồm: Tiền lãi trong hạn là 3.435.159.559 đồng, tiền lãi quá hạn là 465.765.605 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử

sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần T.X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được Tòa án chấp nhận toàn bộ, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Tòa án trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.163.000 đồng, Công ty cổ phần T.X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 114.578.397 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc đòi Công ty cổ phần T.X trả số tiền phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD ngày 29/4/2016, Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 29/4/2016, Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 74.16.071.2656415.TD.PL01 ngày 14/7/2016, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1612626506 ngày 05/5/2016, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1619692047 ngày 14/7/2016. Buộc Công ty cổ phần T.X phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản tiền tính đến ngày 26/6/2020 gồm:

Nợ gốc là 2.677.471.828 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.435.159.559 đồng, tiền lãi quá hạn là 465.765.605 đồng, tổng là 6.578.396.991 đồng (Sáu tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi một đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.163.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003303 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3.2. Công ty cổ phần T.X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 114.578.397 đồng (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần T.X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam